

ĐIỀU LỆ
HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM
(Đại hội toàn quốc lần thứ VII, nhiệm kỳ 2022-2027
thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2022)

Gần một thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân đã cùng toàn dân lập nên những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử - thời đại.

Trong thời kỳ đấu tranh cách mạng, kháng chiến cứu nước lâu dài, gian khổ và oanh liệt của dân tộc ta trước đây, cũng như trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay, lực lượng Cựu chiến binh ngày càng phát triển lớn mạnh; đến nay đã có hàng triệu Cựu chiến binh, thuộc nhiều thế hệ tiếp tục giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; “Trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”, đang cùng nhân dân cả nước phấn đấu thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng, lãnh đạo. Đây vừa là trách nhiệm, vừa là tình cảm thiêng liêng đối với sự hy sinh cao cả của hàng triệu đồng bào, đồng chí trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế.

Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng và nguyện vọng của các thế hệ Cựu chiến binh, ngày 06 tháng 12 năm 1989, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI đã ra nghị quyết thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội đã trưởng thành nhanh chóng và phát triển về mọi mặt, xứng đáng là một tổ chức chính trị - xã hội, là chỗ dựa tin cậy của các cấp ủy đảng, chính quyền, nhân dân, nhất là ở cơ sở.

Trong tình hình mới, chấp hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Pháp lệnh Cựu chiến binh; Hội tập hợp, đoàn kết, động viên Cựu chiến binh xây dựng tổ chức Hội ngày càng vững mạnh; tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực tổ chức và hoạt động, góp phần xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; củng cố, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ngày 06 tháng 12 hàng năm là ngày Truyền thống của Cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

Chương I

TÍNH CHẤT, MỤC ĐÍCH CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

ĐIỀU 1.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là một cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, một tổ chức trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; hoạt động theo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Hội.

ĐIỀU 2.

Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết, tổ chức, động viên các thế hệ Cựu chiến binh giữ gìn và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng và bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Nhân dân; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên và Cựu chiến binh, chăm lo giúp đỡ nhau trong cuộc sống, gắn bó tình bạn chiến đấu, tình đồng chí, đồng đội.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM

ĐIỀU 3.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam có chức năng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên và Cựu chiến binh. Hội làm tham mưu cho cấp ủy Đảng; làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động hội viên, Cựu chiến binh thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội của cách mạng, của Hội; tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền; giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

ĐIỀU 4.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam có nhiệm vụ:

1. Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân; đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch; chống các quan điểm sai trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở; đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và các tệ nạn xã hội; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước theo quy định.
2. Tham gia phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh; kiến nghị với các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương về xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến hội viên, Cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh Việt Nam.
3. Tập hợp, đoàn kết, động viên hội viên và Cựu chiến binh rèn luyện, giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ hiểu biết về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân. Phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành chức năng cùng cấp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền tập hợp, động viên Cựu quân nhân

tham gia sinh hoạt trong các câu lạc bộ, ban liên lạc Cựu quân nhân, nhằm tiếp tục giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” trong thực hiện các phong trào, các cuộc vận động của cấp ủy và chính quyền ở cơ sở.

4. Tổ chức chăm lo, giúp đỡ hội viên và Cựu chiến binh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu hợp pháp; tổ chức hoạt động tình nghĩa để hội viên và Cựu chiến binh tương trợ giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

5. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên và Cựu chiến binh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn, trợ giúp pháp lý cho hội viên và Cựu chiến binh.

6. Phối hợp với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan quân sự địa phương cùng cấp giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường cho thế hệ trẻ.

7. Tiến hành các hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

8. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh toàn diện.

Chương III HỘI VIÊN

ĐIỀU 5.

Những người được xét kết nạp vào Hội:

1. Các đồng chí đã tham gia các đơn vị vũ trang do Đảng tổ chức trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

2. Cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam gồm: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, Bộ đội Biên phòng, Biệt động, đã tham gia kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, nay đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu.

3. Cán bộ, chiến sĩ dân quân, du kích, tự vệ đã trực tiếp tham gia chiến đấu, đội viên các đội công tác vũ trang vùng địch tạm chiếm.

4. Công nhân viên quốc phòng đã tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong thời kỳ chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp hoàn thành nhiệm vụ trong Quân đội đã xuất ngũ, phục viên, chuyển ngành, nghỉ hưu.

6. Hạ sĩ quan, binh sĩ đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ, về định cư tại: Các xã, huyện, tỉnh miền núi; xã, huyện biên giới đất liền, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

7. Những người nhập ngũ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến ngày 31 tháng 8 năm 1989. Quân nhân đã hoàn thành nhiệm vụ ở tuyến đầu biên giới, hải đảo.

8. Những quân nhân đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoặc có thành tích xuất sắc trong thời gian tại ngũ được khen thưởng từ Giấy khen trở lên.

9. Những quân nhân, Cựu quân nhân được Bộ Quốc phòng đào tạo thành sĩ

quan dự bị.

Những đối tượng trên đây giữ vững và phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương, cơ quan, đơn vị; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; có đạo đức và lối sống lành mạnh; gắn bó mật thiết với Nhân dân, được Cựu chiến binh và Nhân dân tín nhiệm. Tự nguyện thực hiện Điều lệ Hội, nhiệm vụ hội viên, làm đơn xin vào Hội, đều được xem xét, kết nạp vào Hội.

ĐIỀU 6.

Nhiệm vụ của hội viên:

1. Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước.
2. Chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Hội, tích cực tham gia các hoạt động của Hội, thực hiện tốt các nhiệm vụ do Hội giao.
3. Tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao kiến thức và giữ gìn phẩm chất, tư cách hội viên.
4. Đoàn kết tương trợ nhau trên tình đồng chí, đồng đội, nhất là khi gặp khó khăn.
5. Tuyên truyền phát triển hội viên mới, đóng hội phí, sinh hoạt trong một tổ chức cơ sở Hội; tích cực tham gia xây dựng tổ chức Hội vững mạnh toàn diện.

ĐIỀU 7.

Quyền lợi của hội viên:

1. Được thông tin, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cần thiết theo sự phát triển của tình hình, nhiệm vụ cách mạng; được tham dự các sinh hoạt và hoạt động của Hội.
2. Được giúp đỡ làm kinh tế, cải thiện đời sống theo khả năng của Hội.
3. Được Hội giúp đỡ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.
4. Thảo luận, phê bình, chất vấn, kiến nghị và biểu quyết các công việc của Hội.
5. Ứng cử, đề cử, bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

ĐIỀU 8.

Kết nạp hội viên (kể cả kết nạp lại):

1. Việc kết nạp hội viên phải đúng thủ tục, nguyên tắc, đúng tính chất của Hội; đồng thời phải bảo đảm yêu cầu về chất lượng, tiêu chuẩn hội viên.
2. Người vào Hội phải có đơn xin vào Hội, báo cáo trung thực với tổ chức Hội về lý lịch bản thân.
3. Chi hội xem xét kết nạp từng người một và phải được sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số hội viên của chi hội được triệu tập đề nghị; ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền kết nạp xem xét, quyết định với sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên được triệu tập.

Tổ chức cơ sở Hội không có ban chấp hành, do hội nghị toàn thể hội viên xem xét, nếu được sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số hội viên được triệu tập đề nghị tổ chức Hội cấp trên trực tiếp ra quyết định kết nạp.

4. Trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định kết nạp hội viên của tổ chức Hội có thẩm quyền, chi hội tổ chức Lễ kết nạp hội viên mới theo quy định.

5. Chỉ kết nạp lại một lần, không kết nạp lại những người ra khỏi Hội vì: Tự ý bỏ sinh hoạt Hội từ 12 tháng trở lên; xin ra khỏi Hội; gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng; bị kết án vì tội tham nhũng; bị kết án về tội đặc biệt nghiêm trọng.

ĐIỀU 9.

1. Tuổi Hội của hội viên được tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp của ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền. Hội viên được kết nạp lại thì tuổi Hội của hội viên được tính từ ngày ghi trong quyết định kết nạp lần đầu, trừ thời gian bị xoá tên hội viên hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội.

2. Việc phát và quản lý Thẻ hội viên; quản lý hồ sơ hội viên và thủ tục chuyên sinh hoạt Hội đối với hội viên do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định.

ĐIỀU 10.

1. Hội viên tuổi cao, sức khỏe yếu; hội viên có hoàn cảnh gia đình quá khó khăn, làm đơn hoặc trực tiếp báo cáo xin miễn tham gia sinh hoạt Hội trong từng thời gian, do chi hội xem xét, báo cáo ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội quyết định.

2. Hội viên xin ra khỏi Hội, do chi hội xem xét, đề nghị ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền quyết định kết nạp hội viên xem xét, quyết định.

3. Chi hội xem xét, đề nghị ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền quyết định xoá tên hội viên ra khỏi Hội các trường hợp sau: Hội viên bỏ sinh hoạt, không đóng hội phí liên tục từ 12 tháng trở lên; xin ra khỏi Hội; tự ý trả Thẻ hội viên hoặc hủy Thẻ hội viên; hội viên vi phạm kỷ luật, giảm sút ý chí phấn đấu, không thực hiện nhiệm vụ hội viên, đã được giáo dục, giúp đỡ, sau 12 tháng phấn đấu nhưng không tiến bộ; hội viên đã kết nạp nhưng qua kiểm tra, xác minh, kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Việc xoá tên hội viên ra khỏi Hội phải được sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số hội viên của chi hội được triệu tập đề nghị và được sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có thẩm quyền kết nạp hội viên xem xét, quyết định.

Chương IV

NGUYÊN TẮC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA HỘI

ĐIỀU 11.

Hội Cựu chiến binh Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc là:

1. Ban chấp hành tổ chức Hội các cấp do dân chủ bầu cử bằng phiếu kín (trường hợp đặc biệt do ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp chỉ định); thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

2. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội Đại biểu toàn quốc. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Hội là Ban Chấp hành Trung ương Hội, ở mỗi cấp là

ban chấp hành tổ chức Hội cùng cấp.

3. Ban chấp hành báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức Hội trực thuộc; thực hiện tự phê bình và phê bình.

4. Tổ chức Hội và hội viên phải chấp hành nghị quyết của Hội. Thiểu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Hội phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương Hội.

5. Nghị quyết của các tổ chức Hội chỉ có giá trị thi hành khi có trên một phần hai số thành viên được triệu tập của tổ chức đó nhất trí (trừ việc kết nạp, khai trừ hội viên và giải tán tổ chức Hội). Trước khi biểu quyết, mỗi thành viên được phát biểu ý kiến của mình. Hội viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên tổ chức Hội cấp trên, nhưng phải chấp hành nghiêm nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Hội.

6. Ban chấp hành tổ chức Hội các cấp quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, nhưng không được trái với nguyên tắc, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của cấp ủy cùng cấp và nghị quyết của tổ chức Hội cấp trên.

7. Ban chấp hành tổ chức Hội từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên lập cơ quan thường trực; thành phần cơ quan thường trực gồm chủ tịch và các phó chủ tịch cùng cấp. Cơ quan thường trực có trách nhiệm thay mặt ban thường vụ điều hành công tác thường xuyên của Hội; triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của ban thường vụ.

ĐIỀU 12.

1. Những tổ chức Hội mới thành lập hoặc chia tách, hợp nhất, sáp nhập trong nhiệm kỳ đại hội theo quy định; ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên thống nhất với cấp ủy lãnh đạo trực tiếp chỉ định ban chấp hành, ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch, ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra; chỉ đạo xây dựng, hoặc bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp với nhiệm kỳ đại hội của tổ chức Hội cấp trên.

2. Số lượng ủy viên ban chấp hành tổ chức Hội cấp nào do đại hội cấp đó quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

3. Ban chấp hành khoá mới nhận sự bàn giao từ ban chấp hành khoá trước, điều hành công việc ngay sau khi được bầu; được công nhận chính thức khi có quyết định chuẩn y của ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp.

4. Việc bổ sung ủy viên ban chấp hành còn thiếu, do ban chấp hành tổ chức Hội đó đề nghị, ban thường vụ tổ chức Hội cấp trên trực tiếp quyết định; số lượng ủy viên ban chấp hành sau khi bổ sung không được vượt quá số lượng ủy viên ban chấp hành do đại hội quyết định.

Khi cần thiết, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp được chỉ định tăng thêm một số ủy viên của ban chấp hành tổ chức Hội cấp dưới. Trường hợp đặc biệt, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên thống nhất với cấp ủy lãnh đạo trực tiếp ra quyết định chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, chủ

tịch, phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp dưới trực tiếp.

5. Ủy viên ban chấp hành Hội từ cấp tỉnh trở xuống xin rút khỏi ban chấp hành ở cấp nào do ban chấp hành cấp đó đề nghị, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp quyết định. Đối với ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, do Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

6. Ủy viên ban chấp hành Hội các cấp khi thôi giữ các chức vụ công tác Hội thì thôi tham gia ban chấp hành Hội các cấp.

ĐIỀU 13.

1. Hệ thống tổ chức Hội có bốn cấp: Trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố và cấp cơ sở xã, phường, thị trấn.

2. Ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp được thành lập tổ chức Hội theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

3. Hội Cựu chiến binh ở mỗi cấp đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp, sự chỉ đạo của ban chấp hành Hội cấp trên, phối hợp chặt chẽ với cơ quan, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, Quân đội, các đoàn thể cấp đó và liên hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân.

ĐIỀU 14.

1. Đại hội cấp nào do ban chấp hành cấp đó triệu tập theo kỳ hạn quy định. Khi ban chấp hành xét thấy cần thiết hoặc khi có trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành nhất trí, hoặc có trên một phần hai số tổ chức Hội trực thuộc đề nghị và được cấp ủy, ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp nhất trí mới triệu tập đại hội bất thường.

2. Đại biểu dự đại hội gồm đại biểu do bầu cử từ cấp dưới lên và các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội. Khi cần thiết, ban chấp hành triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu, nhưng không quá 5% tổng số đại biểu được triệu tập.

3. Sau khi ban chấp hành mới được bầu, đoàn chủ tịch đại hội ủy nhiệm từ một đến ba ủy viên trong số các ủy viên được bầu, làm nhiệm vụ triệu tập ban chấp hành khóa mới họp phiên thứ nhất để bầu ban thường vụ, chủ tịch, các phó chủ tịch (trong số ủy viên ban thường vụ); bầu ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra (trong số ủy viên ban kiểm tra); số lượng ủy viên ban thường vụ không quá một phần ba tổng số ủy viên ban chấp hành được đại hội bầu.

ĐIỀU 15.

1. Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Cựu chiến binh Việt Nam thường lệ 05 năm một lần, có nhiệm vụ: Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định phương hướng nhiệm vụ, chương trình công tác nhiệm kỳ tới; bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội và bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa mới.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội; xây dựng và định hướng nội dung hoạt động, chỉ đạo các chương trình, kế hoạch hoạt động các mặt công tác của Hội giữa hai kỳ đại hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội đại diện cho Hội quan hệ với các cơ quan nhà nước, với các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, với các tổ chức xã hội trong và ngoài nước.

3. Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu Ban Thường vụ, Chủ tịch, các Phó chủ

tịch; Ban Kiểm tra, Trưởng ban Kiểm tra của Hội. Số lượng ủy viên Ban Thường vụ và ủy viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

4. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban Thường vụ họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của Ban Chấp hành.

5. Khi khuyết Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, Ban Chấp hành Trung ương Hội tổ chức hội nghị bầu bổ sung cho đủ số lượng do Đại hội đại biểu toàn quốc đã quyết định. Trường hợp cần tăng thêm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội, do hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

ĐIỀU 16.

1. Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thường lệ 05 năm một lần, có nhiệm vụ: Thảo luận văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Hội, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu ban chấp hành khóa mới, bầu đại biểu dự đại hội cấp trên.

2. Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố có nhiệm vụ: Thực hiện nghị quyết Đại hội toàn quốc, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội và nghị quyết của đại hội cấp mình; tham gia xây dựng và cụ thể hoá các nghị quyết, chương trình, phong trào của Hội; chỉ đạo công tác của Hội ở địa phương giữa hai kỳ đại hội; đại diện cho Hội quan hệ với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội ở tỉnh, thành phố.

3. Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bầu ban thường vụ, chủ tịch, các phó chủ tịch; ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra.

4. Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban thường vụ họp sáu tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành.

ĐIỀU 17.

1. Đại hội đại biểu Hội Cựu chiến binh huyện, quận và tương đương thường lệ 05 năm một lần, có nhiệm vụ: Thảo luận văn kiện của ban chấp hành Hội cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu ban chấp hành khóa mới, bầu đại biểu dự đại hội cấp trên.

2. Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện, quận và tương đương có nhiệm vụ: Tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên và nghị quyết của đại hội cấp mình; hướng dẫn các tổ chức cơ sở Hội thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, phong trào của Hội; chỉ đạo công tác Hội ở địa phương giữa hai kỳ đại hội; phối hợp với các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội trong các hoạt động chính trị ở địa phương.

3. Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện, quận và tương đương bầu ban thường vụ, chủ tịch, các phó chủ tịch; ban kiểm tra, trưởng ban kiểm tra.

4. Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh huyện, quận và tương đương họp thường lệ ba tháng một lần, họp bất thường khi cần. Những địa bàn có khó khăn đặc biệt, họp thường lệ sáu tháng một lần, do Ban Chấp hành Trung ương Hội hướng dẫn.

Ban thường vụ họp ba tháng một lần, họp bất thường khi cần, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghị quyết của ban chấp hành.

ĐIỀU 18.

Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương trở lên được thành lập cơ quan giúp việc theo quy định của Ban Bí thư, hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Thường trực Trung ương Hội.

ĐIỀU 19.

1. Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh các cấp cần quan hệ chặt chẽ với các ban liên lạc truyền thống đơn vị, chiến trường và phối hợp tổ chức các hình thức tập hợp Cựu chiến binh, Cựu quân nhân hợp pháp khác nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của Hội trong đông đảo Cựu chiến binh, Cựu quân nhân.

2. Đối với những quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về, Hội Cựu chiến binh phối hợp với cơ quan quân sự địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các ngành chức năng cùng cấp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền bằng các hình thức thích hợp, tập hợp, tuyên truyền, bồi dưỡng, động viên anh, chị em phát huy vai trò tích cực của Cựu quân nhân trong thực hiện các phong trào, các cuộc vận động ở cơ sở.

Chương V TỔ CHỨC CƠ SỞ HỘI

ĐIỀU 20.

Tổ chức cơ sở Hội là nền tảng của Hội, nơi tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Ở các xã, phường, thị trấn, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có 05 hội viên trở lên được thành lập tổ chức cơ sở Hội.

ĐIỀU 21.

Tổ chức cơ sở Hội có nhiệm vụ:

1. Tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, bảo vệ Nhân dân, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia giám sát, phản biện xã hội; giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở.

2. Quản lý, giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực cho hội viên.

3. Hướng dẫn hoạt động của hội viên, vận động Cựu chiến binh, Cựu quân nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, phong trào của Hội.

4. Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh ở cơ sở.

5. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho hội viên; đoàn kết, động viên, giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, phát triển kinh tế gia đình.

6. Xây dựng tổ chức cơ sở Hội vững mạnh toàn diện.

ĐIỀU 22.

Ngoài các nhiệm vụ nêu trên, tổ chức cơ sở Hội ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp còn có nhiệm vụ:

1. Tập hợp, đoàn kết, hướng dẫn, động viên hội viên, Cựu chiến binh giữ gìn, phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”; nâng cao ý thức trách nhiệm chính

trị, tích cực tham gia xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác, sản xuất, kinh doanh của cơ quan, đơn vị.

2. Tích cực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị.

3. Gương mẫu chấp hành các quy tắc, chế độ công tác; hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; chăm lo giúp đỡ nhau về tinh thần và vật chất.

ĐIỀU 23.

1. Đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên của tổ chức cơ sở Hội thường lệ 05 năm một lần, có nhiệm vụ: Thảo luận văn kiện của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên, đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết đại hội nhiệm kỳ vừa qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tới, bầu ban chấp hành khóa mới, bầu đại biểu dự Đại hội cấp trên.

2. Tổ chức cơ sở Hội có 12 hội viên trở lên bầu ban chấp hành, dưới 12 hội viên bầu chủ tịch và một phó chủ tịch.

3. Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội thực hiện nghị quyết của ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên và nghị quyết của đại hội cấp mình; chỉ đạo thực hiện công tác của cơ sở Hội giữa hai kỳ đại hội.

4. Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội có 09 ủy viên trở lên bầu ban thường vụ, bầu chủ tịch, phó chủ tịch và ban kiểm tra do phó chủ tịch kiêm trưởng ban kiểm tra; dưới 09 ủy viên bầu chủ tịch, phó chủ tịch kiêm công tác kiểm tra.

5. Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi có ban thường vụ, họp thường lệ ba tháng một lần, họp bất thường khi cần. Ban thường vụ họp thường lệ một tháng một lần, họp bất thường khi cần; điều hành công tác của Hội giữa hai kỳ họp ban chấp hành. Ban chấp hành tổ chức cơ sở Hội nơi không có ban thường vụ, họp thường lệ một tháng một lần, họp bất thường khi cần.

ĐIỀU 24.

1. Những tổ chức cơ sở Hội có 30 hội viên trở lên hoặc địa bàn hoạt động quá rộng được thành lập các chi hội; chi hội có trên 30 hội viên chia thành các phân hội tạo điều kiện thuận lợi cho sinh hoạt, công tác và thăm hỏi, giúp đỡ nhau.

2. Chi hội bầu chi hội trưởng, chi hội phó; phân công hội viên phụ trách phân hội. Chi hội, phân hội sinh hoạt thường kỳ từ một đến ba tháng một lần.

Chương VI

CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA HỘI VÀ BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

ĐIỀU 25.

1. Kiểm tra, giám sát là một trong những chức năng lãnh đạo, một nhiệm vụ của tổ chức Hội các cấp. Ban chấp hành các cấp Hội phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát các tổ chức Hội cấp dưới và hội viên về chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Hội. Tổ chức Hội và hội viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội.

2. Ban chấp hành Hội các cấp bầu ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra của cấp mình.

Số lượng ủy viên ban kiểm tra do ban chấp hành mỗi cấp quyết định, gồm một số ủy viên ban chấp hành cùng cấp và thành phần khác liên quan. Các ủy viên ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra cấp dưới phải được ban chấp hành Hội cấp trên trực tiếp chuẩn y.

ĐIỀU 26.

Ban kiểm tra các cấp chịu sự lãnh đạo của ban chấp hành cấp mình và sự chỉ đạo, hướng dẫn của ban kiểm tra cấp trên, làm việc theo chế độ tập thể, phân công cá nhân phụ trách.

Ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ:

1. Kiểm tra hội viên, ủy viên ban chấp hành Hội cùng cấp, tổ chức Hội cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành nhiệm vụ hội viên, nhiệm vụ ủy viên ban chấp hành; trong việc chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Hội và trong việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

2. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật của chức Hội cấp dưới.

3. Xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật; quyết định hoặc đề nghị ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội có thẩm quyền quyết định.

4. Giám sát ủy viên ban chấp hành cùng cấp, cán bộ diện ban chấp hành cùng cấp quản lý và tổ chức Hội cấp dưới trong việc chấp hành Điều lệ Hội; thực hiện nhiệm vụ, nghị quyết của Hội; giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, hội viên theo quy định.

5. Tiếp nhận, xem xét, kết luận giải quyết hoặc đề nghị với ban chấp hành tổ chức Hội cấp cơ sở, cấp huyện và tương đương; ban thường vụ cấp tỉnh và tương đương trở lên theo thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo có liên quan đến tổ chức Hội và hội viên. Ban kiểm tra được quyền yêu cầu tổ chức Hội cấp dưới và hội viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra, giám sát.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

ĐIỀU 27.

Hội viên và tổ chức Hội có thành tích được các cấp Hội xem xét, khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

ĐIỀU 28.

1. Hội viên và tổ chức Hội vi phạm quy định Điều lệ, nghị quyết của Hội, làm tổn hại đến uy tín và tài sản của Hội, tổ chức Hội các cấp căn cứ vào tính chất, mức độ sai phạm và thẩm quyền để xem xét, quyết định các hình thức kỷ luật sau đây:

Đối với hội viên: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.

Đối với ủy viên ban chấp hành: Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Hội.

Đối với tổ chức Hội: Khiển trách, cảnh cáo, giải tán khi có vi phạm kỷ luật đặc

biệt nghiêm trọng.

Đối với ban kiểm tra, ủy viên ban kiểm tra áp dụng hình thức kỷ luật như với ban chấp hành và ủy viên ban chấp hành cùng cấp.

2. Việc xử lý kỷ luật hội viên do chi hội đề nghị; ban chấp hành tổ chức Hội có thẩm quyền kết nạp hội viên xem xét, quyết định.

3. Việc xử lý kỷ luật ủy viên ban chấp hành tổ chức Hội cấp nào do hội nghị ban chấp hành tổ chức Hội cấp đó đề nghị, ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định. Xử lý kỷ luật ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội do hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

Xử lý kỷ luật ủy viên ban kiểm tra là ủy viên ban chấp hành như ủy viên ban chấp hành; kỷ luật ủy viên ban kiểm tra không phải là ủy viên ban chấp hành do ban chấp hành cùng cấp quyết định.

4. Kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với hội viên; khiển trách, cảnh cáo, cách chức đối với ủy viên ban chấp hành, phải được sự nhất trí của trên một phần hai số thành viên được triệu tập của tổ chức Hội đó đề nghị và phải được sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Kỷ luật khai trừ hội viên, ủy viên ban chấp hành phải được sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số thành viên được triệu tập của tổ chức Hội đó đề nghị và được sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên có thẩm quyền quyết định.

5. Kỷ luật khiển trách, cảnh cáo tổ chức Hội do ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định với sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên được triệu tập.

Kỷ luật giải tán tổ chức Hội phải được sự nhất trí của ít nhất hai phần ba số ủy viên ban chấp hành của tổ chức Hội cấp trên trực tiếp được triệu tập đề nghị và được sự nhất trí của trên một phần hai số ủy viên ban chấp hành tổ chức Hội cấp trên cách một cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp trên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do ban chấp hành (ban thường vụ) tổ chức Hội cấp dưới quyết định.

7. Việc đình chỉ sinh hoạt của hội viên, ủy viên ban chấp hành khi có dấu hiệu vi phạm kỷ luật nghiêm trọng do Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định.

8. Quyết định kỷ luật tổ chức Hội và hội viên có hiệu lực thi hành ngay sau khi được công bố. Tổ chức Hội và hội viên không đồng ý với quyết định thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận quyết định, có quyền khiếu nại với ban chấp hành hoặc ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, ban chấp hành hoặc ban kiểm tra thông báo cho tổ chức Hội hoặc hội viên khiếu nại biết; chậm nhất 60 ngày đối với cấp cơ sở; 90 ngày đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương; 180 ngày đối với cấp Trung ương, phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức Hội, hội viên khiếu nại biết.

Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức Hội và hội viên bị kỷ luật phải

ng nghiêm chỉnh chấp hành quyết định kỷ luật.

Chương VIII TÀI CHÍNH CỦA HỘI

ĐIỀU 29.

Tài chính của Hội gồm các nguồn:

1. Ngân sách Nhà nước cấp.
2. Hội phí do hội viên đóng.
3. Tiền ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ và các khoản thu hợp pháp khác.
4. Tài chính, ngân sách ở cấp nào do cấp đó tự quản, có tài khoản riêng và chịu sự kiểm tra của cơ quan nhà nước theo luật định. Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định mức đóng hội phí, chế độ thu, nộp và sử dụng.

Hàng năm, hội nghị ban chấp hành nghe báo cáo về thu, chi hội phí của cấp mình.

Chương IX CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ HỘI

ĐIỀU 30.

Mọi hội viên và tổ chức Hội có trách nhiệm chấp hành Điều lệ Hội.

Ban Chấp hành Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội.

ĐIỀU 31.

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Cựu chiến binh Việt Nam mới có quyền sửa đổi Điều lệ Hội.